

Số: 1020c/QĐ-SNNMT

Thái Nguyên, ngày 14 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025
cho Trung tâm Khuyến nông và Môi trường tỉnh Thái Nguyên
Mã đơn vị sử dụng ngân sách: 1147708

GIÁM ĐỐC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG THÁI NGUYÊN

Căn Cú Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 88/2024/TT-BTC ngày 24/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn Cú Nghị quyết số 08/2025/NĐ-HĐND ngày 01/7/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên thành lập các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 27/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của UBND tỉnh Thái Nguyên về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 1896/QĐ-UBND ngày 14/11/2025 của UBND Thái Nguyên về việc điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025 tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Thông báo điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025 số 5520/STC- HCSN ngày 14/10/2025 của Sở Tài chính tỉnh Thái Nguyên;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao điều chỉnh dự toán chi Ngân sách nhà nước năm 2025 cho Trung tâm Khuyến nông và Môi trường tỉnh Thái Nguyên, như sau:

Dự toán đã giao: 147.663.000.000 đồng.

Điều chỉnh tăng: 1.027.000.000 đồng.

Điều chỉnh giảm: 2.435.000.000 đồng.

Dự toán sau điều chỉnh: 146.255.000.000 đồng.

Bằng chữ: Một trăm bốn mươi sáu tỷ, hai trăm năm mươi năm triệu đồng.

(Số giao, điều chỉnh chi tiết theo phụ lục đính kèm)

Điều 2. Căn cứ chỉ tiêu nhiệm vụ và dự toán chi ngân sách năm 2025 được giao, thủ trưởng đơn vị được giao dự toán tổ chức thực hiện theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, trưởng các phòng chuyên môn liên quan thuộc sở và đơn vị được giao dự toán có tên tại điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *Thu*

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Sở Tài chính (b/c);
- Kho bạc NN tỉnh TN;
- PGĐ Đ/c Hà;
- Lưu: KHTC, VP, VT.

GIÁM ĐỐC



Đặng Văn Huy

PHỤ LỤC:
GIẢI THÍCH CHẾ ĐỘ CHI TRẢ THUẾ VÀ CÁC CHỈ TIÊU KHÁC TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2025 SẴN SÁP NHẬP TỈNH

Đơn vị: Trung tâm Khuyến nông và môi trường
 (Kèm theo Quyết định số **4020/QĐ-SNNMT** ngày **14/11/2025** của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Nguyên)

STT	Đơn vị/Nội dung chi	Mã đơn vị sử dụng NSNN	Loại/khoản	Tổng dự toán năm 2025 giao cho đơn vị sau sắp nhập	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Sau điều chỉnh	Trong đó						Ghi chú		
								Sự nghiệp kinh tế			Sự nghiệp môi trường					
								Chuyển nguồn năm 2024 sang		Dự toán năm 2025		Tổng			Tổng	
Tổng	Tự chủ	Tự chủ	Không tự chủ	Tổng	Tự chủ	Không tự chủ	Tổng	Tự chủ	Không tự chủ							
TỔNG CỘNG		1147708		147.663	1.027	2.435	146.255	402	402	-	48.543	26.800	21.783	97.270	-	97.270
1	Sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác		280-281	51.184	236	2.435	48.985	402	402	-	48.543	26.800	21.783	-	-	-
1.1	Kinh phí tự chi			28.592	164	1.554	27.202	402	402	-	26.800	26.800	-	-	-	-
	Quy tiên lương, các khoản trích theo lương và chi khác theo định mức được sử dụng (đã giảm trừ tiết kiệm 10% chi khác theo định mức) - Văn phòng tỉnh			13.485	164	1.554	12.095				12.095	12.095				
	Quy tiên lương, các khoản trích theo lương và chi khác theo định mức được sử dụng (đã giảm trừ tiết kiệm 10% chi khác theo định mức) - chi nhánh khu vực nông dịch vụ nông nghiệp			15.107			15.107	402	402		14.705	14.705				
1.2	Kinh phí không tự chi			22.592	72	881	21.783	-	-	-	21.743	-	21.783	-	-	-
	Chi cho lao động hợp đồng theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP của Chính phủ			626		4	622				622		622			
	Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ (Chi cho viên chức tiếp nhận từ cấp huyện về)			1.857			1.857				1.857		1.857			
	Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ (Chi cho viên chức tiếp nhận từ cấp huyện về)			47			47				47		47			
	Kinh phí nhiệm vụ chuyên môn: tập huấn, tuyên truyền, tọa đàm hội thảo, bản tin khuyến nông, duy trì trang website ...			180			180				180		180			
	Mua sắm thiết bị phục vụ nhiệm vụ cải cách hành chính, nâng cao chất lượng công tác chuyên đổi số			140			140				140		140			

The

STT	Đơn vị/Nội dung chi	Mã đơn vị sử dụng NSNN	Loại/ Khoản	Tổng dự toán năm 2025 giao cho đơn vị sau sắp nhập	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Sau điều chỉnh	Trong đó						Chú			
								Sự nghiệp kinh tế			Sự nghiệp môi trường						
								Chuyển nguồn năm 2024 sang			Dự toán năm 2025				Tổng	Tự chủ	Không tự chủ
Tổng	Tự chủ	Không tự chủ	Tổng	Tự chủ	Không tự chủ												
	Mô hình khuyến nông ứng dụng chuyển giao khoa học kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp và nông thôn			4.400		5	4.395				4.395						
	Kinh phí chi hỗ trợ cho người trồng lúa			4.800		21	4.779				4.779						
	Xây dựng các mô hình khảo nghiệm, thử nghiệm sản xuất thử và ứng dụng công nghệ mới trong sản xuất các giống cây trồng, vật nuôi và thủy sản; kinh phí nhiệm vụ chuyên môn; duy trì vườn tươm ...			1.461			1.461				1.461						
	Sản xuất nuôi giữ và lưu giữ giống gốc			2.500			2.500				2.500						
	Sửa chữa xe ô tô tại KIA BKS 97A-0440			55			55				55						
	Mua sắm trang thiết bị hội trường Trung tâm Khuyến nông			50			50				50						
	Thực hiện các mô hình khuyến nông năm 2025			1.000		105	895				895						
	Chương trình phòng sư khoa giáo			90			90				90						
	Dịch vụ nông nghiệp tại các chi nhánh			1.762		490	1.272				1.272						
	Chi nhiệm vụ khuyến nông			2.745			2.745				2.745						
2	Sự nghiệp môi trường			96.479		791	97.270				97.270						
2.1	Kinh phí tự chi																
2.2	Kinh phí không tự chi			96.479		791	97.270				97.270						
	Thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt; các nhiệm vụ liên quan tại các khu xử lý rác tại các chi nhánh			96.479		791	97.270				97.270						

The